TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/ DS-ST
Ngày: 20-4-2018
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Kim Mỹ;

2/ Bà Dương Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa Án Nhân Dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2017/ TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXX-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S.**

Trụ sở: số 266-268, đường N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1979 – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B theo văn bản ủy quyền số 2384/2017/GUQ-PL&TT ngày 07/8/2017.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Ông Đặng Minh T**, sinh năm 1971 (có mặt) (Văn bản ủy quyền số 417/UQ-CNBT ngày 16/12/2017).

Địa chỉ: 14C1, đại lộ Đ, phường P, thành phố B.

Bị đơn: **Đoàn Thị T1**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 368D, Bình Lợi, phường 6, thành phố B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2017, bản tự khai ngày 23/01/2018 và những lời khai tiếp theo đại diện của nguyên đơn trình bày như sau*:

Vào ngày 09/12/2014 bà T1 có ký hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1434300172 để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh B (Ngân hàng) số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất 0,8%/tháng, mục đích vay là để tiêu dùng, vốn lãi chia đều thành nhiều kỳ trả nợ, thời hạn vay 48 tháng, ngày 09/12/2018 là trả hết nợ.

Từ ngày 30/01/2015 cho đến ngày 30/6/2016 bà T1 có trả cho Ngân hàng được số tiền vốn, lãi là 35.211.000đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm mười một ngàn đồng), tiếp đến ngày 30/4/2017 bà T1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ vốn là 50.192.000đ (Năm mươi triệu một trăm chín mươi hai ngàn đồng) còn nợ lại tiền vốn là 14.597.000đ (Mười bốn triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Từ ngày 30/4/2017 cho đến nay bà T1 không trả tiền vốn, lãi cho Ngân hàng, số tiền vốn bà T1 còn nợ Ngân hàng là 14.597.000đ, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 30/6/2016 đến ngày 30/10/2017 là 13.412.000đ, lãi phạt tính từ ngày 30/6/2016 đến ngày 30/10/2017 là 954.000đ.

Do bà T1 đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng yêu cầu bà T1 trả cho Ngân hàng số tiền 28.963.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền vốn là 14.597.000đ, tiền lãi trong hạn là 13.412.000đ, lãi phạt là 954.000đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng số LD1434300172 trên số tiền vốn vay 100.000.000đ từ ngày 31/10/2017 cho đến khi bà T1 trả xong nợ cho Ngân hàng.

* Bà Đoàn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến về yêu cầu của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh B yêu cầu bà Đoàn Thị T1 trả số tiền vay còn nợ, theo hợp đồng tín dụng mục đích vay tiền của bà T1 là để tiêu dùng, từ đó có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".

Bà T1 có đăng ký hộ khẩu và tại thời điểm vay bà T1 sinh sống tại số nhà 368D, Bình Lợi, phường 6, thành phố B, tỉnh T nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ

luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Đoàn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị T1 trả tiền vốn vay, lãi trong hạn, lãi phạt tính tính từ ngày 30/6/2016 đến ngày 30/10/2017 là 28.963.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên số tiền vốn vay 100.000.000đ từ ngày 31/10/2017 cho đến khi bà T1 trả xong nợ.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Vào ngày 09/12/2014 bà Đoàn Thị T1 có ký kết hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1434300172 với Ngân hàng, theo nội dung hợp đồng thì bà T1 vay của Ngân hàng số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), mục đích vay là để tiêu dùng, lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay là 48 tháng, ngày trả hết nợ là ngày 09/12/2018, tổng số tiền phải trả bao gồm vốn, lãi là 138.400.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng), phương thức trả nợ vốn và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ như sau: số kỳ trả nợ là 48 kỳ, 1 tháng trả 1 lần, kỳ trả nợ đầu là ngày 30/01/2015, số tiền trả nợ mỗi kỳ là 2.883.000đ, kỳ cuối trả 2.899.000đ, khi cho vay bà T1 không có tài sản đảm bảo.

Hội đồng xét xử xét thấy dựa vào hợp đồng tín dụng vốn, lãi chia đều số LD1434300072 ngày 09/12/2014, giấy đề nghị kiêm phương án vay ngày 08/12/2014 có chữ ký và có xác nhận của Bệnh viện N là nơi bà T1 làm việc tại thời điểm vay cho thấy việc bà T1 có vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000đ là có thật và hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T1 có trả cho ngân hàng được cho Ngân hàng từ ngày 30/01/2015 đến ngày 30/4/2017 bà T1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi là 85.403.000đ, từ ngày 30/4/2017 cho đến nay bà T1 không hoàn trả vốn, lãi cho Ngân hàng. Qua hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa bà T1 và Ngân hàng cho thấy bà T1 đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, bà T1 chỉ trả tiền vốn, lãi đến ngày 30/4/2017 thì không trả nữa, mặc dù chưa đến hạn trả nợ của kỳ cuối là ngày 09/12/2018 nhưng bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại điểm a Điều 2 tại phụ lục các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng số LD1434300072 ngày 09/12/2014 đã ký kết với Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T1 trả tiền vốn vay còn nợ tính đến ngày 30/10/2017 là có căn cứ nên được xem xét chấp nhận, do đó cần buộc bà T1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn còn nợ là 14.597.000đ (Mười bốn triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

- Về lãi suất: Ngân hàng yêu cầu bà T1 trả lãi suất trong hạn tính từ ngày 30/6/2016 đến ngày 30/10/2017 với mức lãi suất là 0,8%/tháng trên số tiền vốn vay

100.000.000đ là 13.412.000đ và lãi suất phạt tính từ ngày 30/6/2016 đến ngày 30/10/2017 với mức lãi suất là 1,2%/tháng là 954.000đ, tổng cộng là 14.366.000đ (Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy do bà T1 chậm thanh toán trả tiền vốn và lãi suất khi đến hạn là đã vi phạm hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng yêu cầu bà T1 trả lãi suất theo điểm a, e, f điều 2 của phụ lục các điều khoản chung của hợp đồng là có căn cứ nên được chấp nhận, do đó cần buộc bà Theo trả cho Ngân hàng lãi suất trong hạn và lãi phạt là 14.597.000đ (Mười bốn triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu bà T1 tiếp tục tính lãi từ ngày 31/10/2017 trên số tiền vốn vay theo mức lãi suất tại điểm c điều 5 của phụ lục các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong số nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy do bà T1 đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nên xem xét và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và buộc bà T1 còn phải tiếp tục trả lãi suất cho Ngân hàng.

Tổng cộng tiền vốn, lãi bà T1 phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/6/2016 cho đến ngày 30/10/2017 là 28.963.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do bà T1 là người phải trả nợ cho Ngân hàng nên bà T1 phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: 28.963.000đ x 5% = 1.448.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được xem xét chấp nhận nên Ngân hàng được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" đối với bà Đoàn Thị T1.

2/ Buộc bà Đoàn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B số tiền 28.963.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tính đến ngày 30/10/2017, trong đó tiền nợ vốn là 14.597.000đ, tiền lãi trong hạn là 12.412.000đ, tiền lãi phạt là 954.000đ.

Bà T1 còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B lãi

suất phát sinh trên số tiền vốn đã vay theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số LD1434300072 ngày 09/12/2014, kể từ ngày 31/10/2017 cho đến khi bà T1 thanh toán xong số tiền nợ cho Ngân hàng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà T1 phải nộp là1.448.000đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng).

Hòan trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 724.000đ (Bảy trăm hai mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013960 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4/ Ngân hàng được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án, bà T1 được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Châu

Hội Thẩm Nhân Dân **Thẩm Phán – Chủ Toạ Phiên Toà**

Trần Thị Kim Mỹ Dương Thị Thanh Thúy Nguyễn Thị Diễm Châu